

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam giảm điểm trong phiên hôm nay, tương đồng với diễn biến điều chỉnh của TTCK toàn cầu trước cảnh báo từ các quan chức FED về triển vọng tiêu cực của kinh tế Mỹ

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

HĐTL diễn biến giảm điểm, tương đồng với diễn biến tiêu cực của TTCK toàn cầu

[Tâm điểm cổ phiếu trong ngày]

VHC

[Quan điểm đầu tư]

Sau khi đã giảm tỷ trọng, NĐT có thể quay vòng mở lại 1 phần khi chỉ số lùi xuống vùng hỗ trợ quanh 895

24/09/2020

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	908.58	-0.43
VN30	853.21	-0.59
HĐTL VN30F1M	853.10	-0.12
HNXIndex	131.71	-0.70
HNX30	244.24	-0.53
UPCoM	61.00	+0.07
USD/VND	23,186	+0.04
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.80	+2
Lãi suất qua đêm (%)	0.14	+4
Dầu (WTI, \$)	39.69	-0.60
Vàng (LME, \$)	1,850.92	-0.67



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 908.58 (-0.43%)
KLGD (triệu CP) 358.0 (+14.8%)
GTGD (triệu US\$) 276.4 (-1.2%)

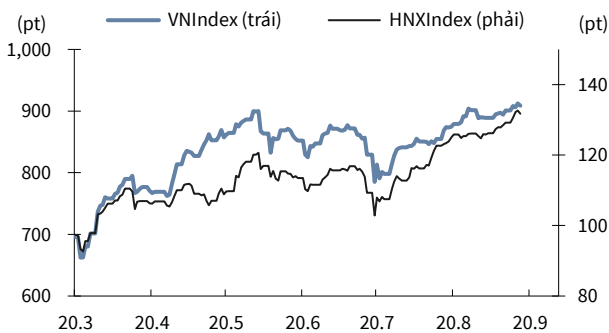
HNXIndex 131.71 (-0.70%)
KLGD (triệu CP) 45.8 (-10.3%)
GTGD (triệu US\$) 24.1 (-12.0%)

UPCoM 61.00 (+0.07%)
KLGD (triệu CP) 33.1 (+17.4%)
GTGD (triệu US\$) 14.1 (-13.2%)

NĐTNN mua ròng (triệu US\$) -7.3

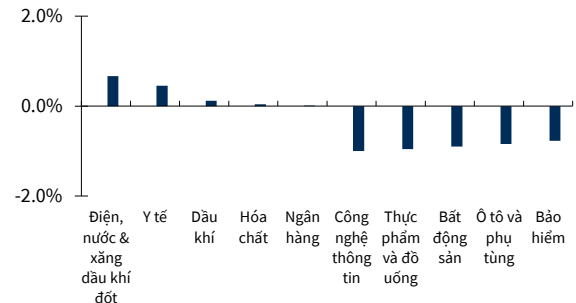
TTCK Việt Nam giảm điểm trong phiên hôm nay, tương đồng với diễn biến điều chỉnh của TTCK toàn cầu trước cảnh báo từ các quan chức FED về triển vọng tiêu cực của kinh tế Mỹ. Lo ngại về triển vọng kinh tế toàn cầu khiến nhóm cổ phiếu ngân hàng phản ứng tiêu cực và đảo chiều giảm điểm sau phiên tăng mạnh ngày hôm qua, có thể thấy ở BID (-1.2%), CTG (-1%). Thông tin từ Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản (VASEP), cho biết xuất khẩu cá tra giảm mạnh trong tháng 8 khiến các doanh nghiệp thủy sản điều chỉnh ở VHC (-0.5%), ANV (-1.3%). Trong khi đó, tin từ Bộ Công thương cho biết trong tháng 8, sản lượng xuất khẩu thép của Việt Nam tăng mạnh (+37% YoY), giúp cổ phiếu các doanh nghiệp ngành này tăng giá như HSG (+5.3%), NKG (+3.9%). Cổ phiếu hàng không như HVN (-0.4%), VJC (-0.7%) điều chỉnh sau khi Cục trưởng Cục Hàng không cho biết tính tới thời điểm hiện tại còn nhiều điểm chưa thống nhất với các nước đối tác liên quan đến điều kiện hành khách, quy định mua vé, nhập cảnh, cách ly... Nhà đầu tư nước ngoài bán ròng ở HPG (-0.6%), VNM (-1.5%), VHM (-0.5%).

VNIndex & HNXIndex



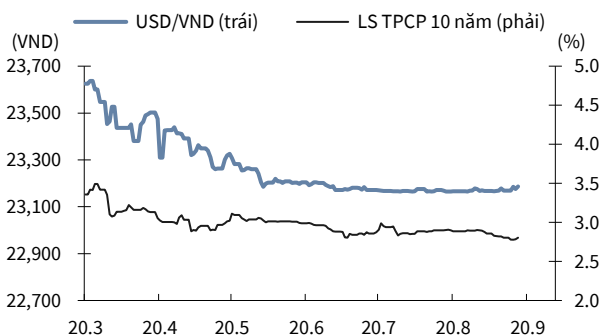
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



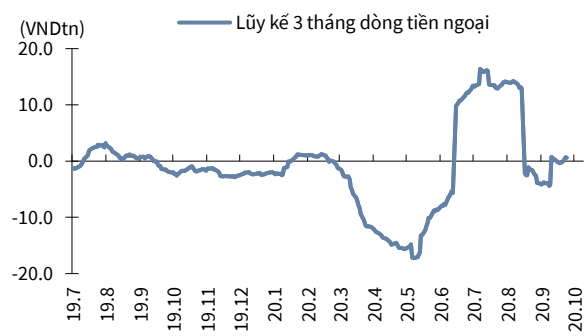
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

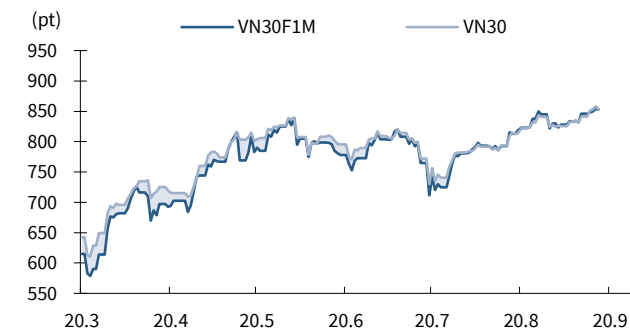
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	853.21 (-0.59%)
VN30F1M	853.1 (-0.12%)
Mở cửa	850.0
Cao nhất	854.2
Thấp nhất	847.6

HĐTL diễn biến giảm điểm, tương đồng với diễn biến tiêu cực của TTCK toàn cầu. Chênh lệch F2010 và VN30 mở cửa ở -8.0 và giao động trong biên độ -5.6 và -3.4 trước khi thu hẹp về cuối phiên và đóng cửa ở mức 0.12 khi bên SHORT cover trạng thái. NĐTNN mua ròng trong khi thanh khoản thị trường suy giảm trong phiên hôm nay.

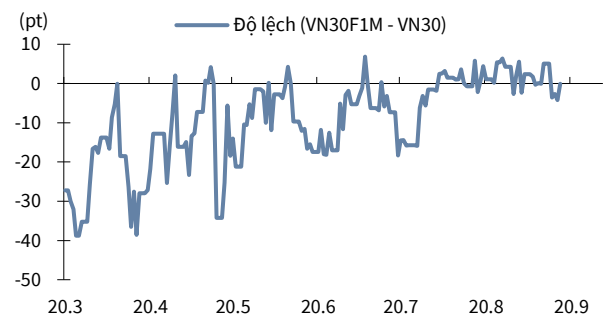
KLGD (HĐ)	110,921 (-16.6%)
------------------	-------------------------

HĐTL VN30F1M & VN30



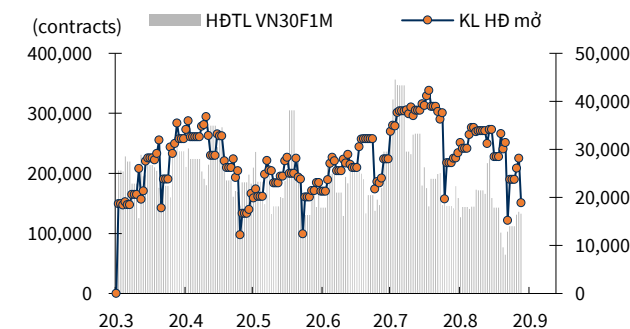
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



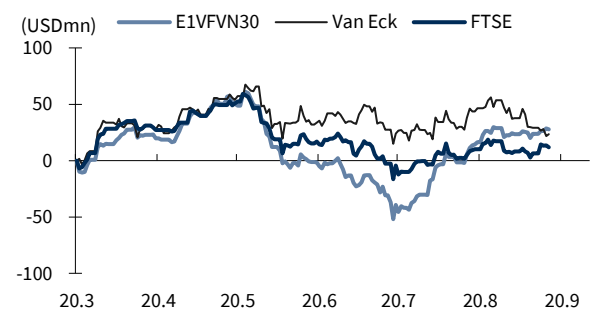
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

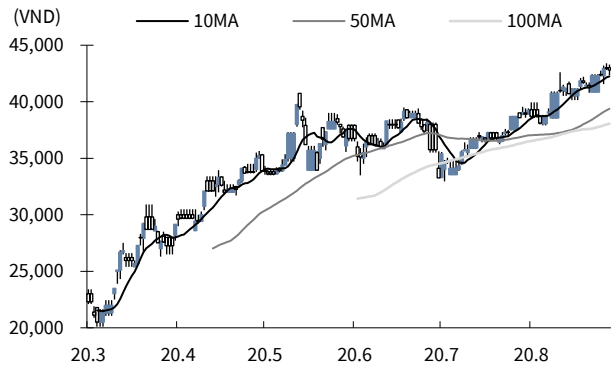
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Tâm điểm cổ phiếu trong ngày

Vĩnh Hoàn (VHC)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- VHC giảm -0.5% xuống 42,800 VNĐ/cp.
- VHC thông báo tổng doanh thu xuất khẩu tháng 8 đạt 617 tỷ đồng (-5% YoY và -2% MoM), chủ yếu do sụt giảm ở doanh thu bán sản phẩm cá tra. Ngược lại, các sản phẩm khác như sản phẩm phụ, giá trị gia tăng, chăm sóc sức khỏe đều tăng trưởng.
- Xét theo thị trường, doanh thu ở Mỹ tương đương cùng kỳ năm trước, châu Âu tăng 40% so cùng kỳ nhờ hưởng lợi bởi kênh bán lẻ hiện đại. Ngược lại, Trung Quốc và các thị trường khác giảm 26% và 13% so cùng kỳ năm trước do mức tồn kho tại các thị trường này vẫn cao.

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

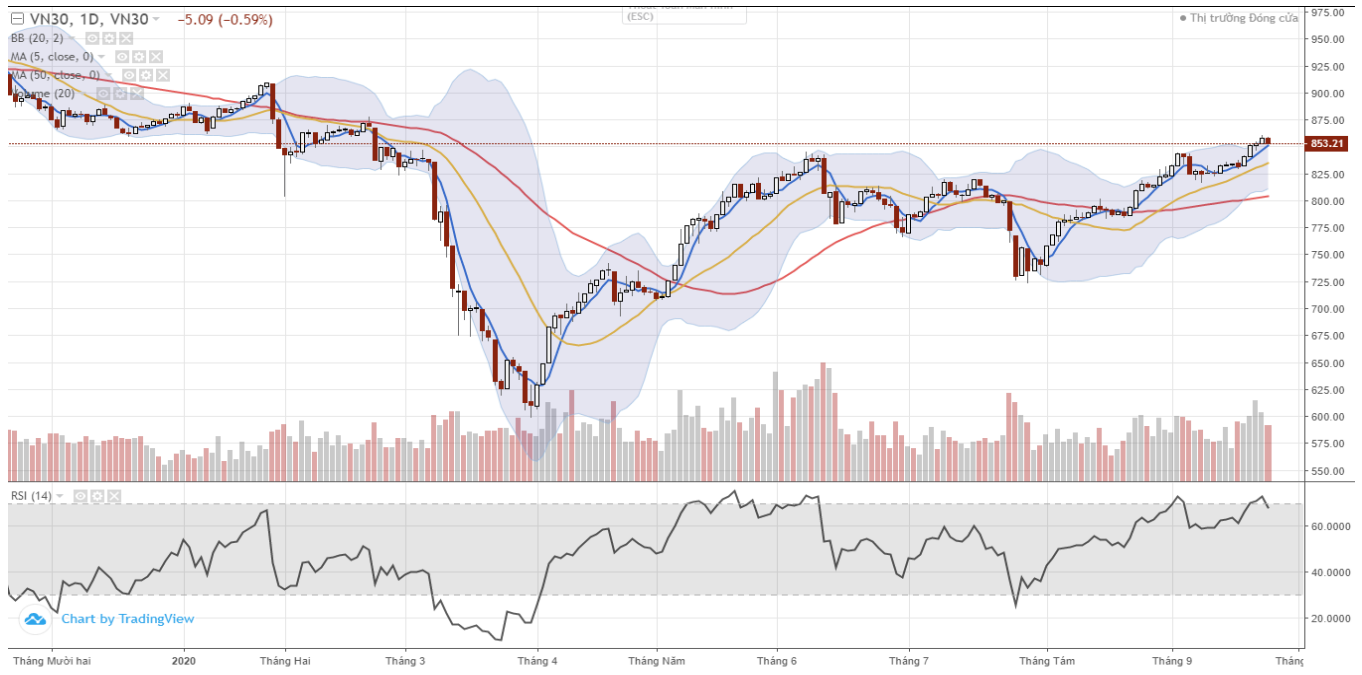
Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex giảm điểm trong phiên hôm nay với áp lực bán gia tăng vào cuối phiên.
- Với việc vấp phải những áp lực bán sớm thì chúng tôi cho rằng chỉ số nhiều khả năng sẽ cần phải có thêm những nhịp điều chỉnh tích lũy trước khi quay lại đà tăng.
- Sau khi đã giảm tỷ trọng, NĐT có thể quay vòng mở lại 1 phần khi chỉ số lùi xuống vùng hỗ trợ quanh 895.

Chỉ số VN30



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Hợp đồng tương lai - VN30F1M



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VN30 và F1 quay đầu giảm điểm trong phiên hôm nay, với áp lực bán gia tăng vào cuối phiên ở chỉ số VN30.
- Chúng tôi cho rằng chỉ số vẫn sẽ đối mặt với rủi ro điều chỉnh, quay xuống vùng hỗ trợ quanh 845 trong những phiên tới.
- NĐT được khuyến nghị ưu tiên mở vị thế SHORT tại những vùng hỗ trợ trong phiên hoặc có thể mở vị thế LONG khi chỉ số điều chỉnh về vùng hỗ trợ đề cập.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

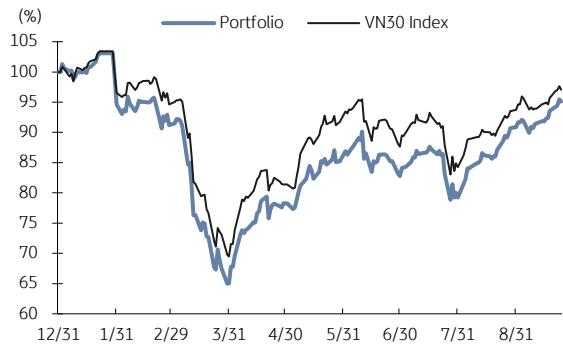
Khởi phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng chốt lời tại +30% và cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-0.59%	-0.41%
Tăng lũy kế (YTD)	-2.94%	-4.89%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 24/09/2020	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	101,200	-0.7%	-12.7%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	25,500	-0.6%	-4.8%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	62,300	-1.7%	-18.7%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	19,600	2.1%	-0.6%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - Mcredit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế huy động vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	40,400	0.9%	18.8%	- Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	50,500	-1.2%	50.8%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	26,000	-1.0%	6.6%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
Vietjet (VJC)	05/02/2019	105,800	-0.7%	-18.1%	- Giá cổ phiếu sụt giảm mạnh do tác động ngắn hạn của dịch Corona - Hưởng lợi từ diễn biến sụt giảm sâu của giá dầu - Triển vọng dài hạn khả quan, kỳ vọng việc dự án Long Thành được đẩy nhanh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	25,650	-0.6%	31.3%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbaco City Development (KBC)	09/03/2020	14,300	-0.7%	4.4%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
MBB	2.1%	23.0%	50.0
VCB	0.8%	23.6%	46.1
PLX	0.2%	16.0%	13.6
HSG	5.3%	9.7%	12.3
GAS	1.1%	3.2%	11.4

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
HPG	-0.6%	34.3%	-79.0
VNM	-1.5%	58.5%	-61.5
VHM	-0.5%	22.2%	-50.7
E1VFN30	-0.6%	98.3%	-15.2
BID	-1.2%	17.5%	-15.0

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
TIG	-1.4%	14.9%	1.1
SHB	-0.7%	6.5%	0.9
DP3	0.0%	0.6%	0.2
IDV	0.0%	15.3%	0.1
BAX	0.4%	1.9%	0.1

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
PMC	-3.3%	22.3%	-25.4
VCG	1.9%	0.3%	-2.4
DXP	-2.5%	34.9%	-1.1
PVB	-2.8%	0.3%	-0.4
RCL	0.6%	10.1%	-0.2

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bán lẻ	6.0%	MWG, VPG
Ngân hàng	3.7%	VCB, TCB
Dầu khí	3.3%	PLX, PVD
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	2.2%	GAS, POW
Hàng cá nhân & Gia dụng	1.9%	PNJ, STK

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	-1.0%	YEG, PNC
Hóa chất	-0.3%	GVR, HRC
Ô tô và phụ tùng	-0.2%	SVC, HHS
Du lịch và Giải trí	-0.2%	SCS, HVN
Bất động sản	0.1%	VIC, BCM

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bán lẻ	11.9%	MWG, DGW
Dịch vụ tài chính	7.5%	SSI, HCM
Du lịch và Giải trí	7.1%	VJC, HVN
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	7.0%	REE, GEX
Tài nguyên Cơ bản	6.3%	HPG, HSG

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	-3.7%	YEG, PNC
Dầu khí	-0.2%	PLX, PVD
Ô tô và phụ tùng	-0.1%	TCH, SVC
Công nghệ thông tin	1.4%	SGT, ST8
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	1.5%	PPC, NT2

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDm)	GTGD (VNDtriệu, USDm)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	93,000	314,566 (13,567)	58,847 (2.5)	22.9	50.7	37.2	21.9	6.6	8.7	3.6	3.3	-1.6	-1.1	4.5	-19.1
	VHM	VINHOMES JSC	77,100	253,622 (10,939)	166,835 (7.2)	26.8	9.4	8.2	35.0	38.5	30.8	3.0	2.2	-0.5	0.5	-3.6	-9.1
	VRE	VINCOM RETAIL JS	28,600	64,988 (2,803)	82,906 (3.6)	18.1	25.6	18.9	2.8	9.1	11.7	2.3	2.1	-1.7	1.1	6.3	-15.9
	NVL	NO VA LAND INVES	63,500	61,660 (2,659)	86,267 (3.7)	32.7	16.9	17.6	1.8	14.3	11.9	2.4	-	-0.2	0.2	0.8	6.7
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	24,400	13,635 (588)	15,090 (0.7)	7.2	12.5	10.4	14.7	14.1	15.8	1.6	1.4	-0.6	1.2	2.1	-4.8
	DXG	DAT XANH GROUP	10,400	5,390 (232)	44,064 (1.9)	14.1	7.6	5.1	-29.0	7.4	14.0	0.6	0.6	-1.0	0.5	9.5	-28.3
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	86,100	319,334 (13,773)	115,657 (5.0)	6.5	19.1	16.0	11.6	19.7	19.1	3.2	2.7	0.8	4.4	2.6	-4.5
	BID	BANK FOR INVESTM	40,900	164,501 (7,095)	59,178 (2.6)	12.5	35.0	20.2	-10.3	9.1	12.3	2.2	2.0	-1.2	1.0	3.2	-11.4
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	22,450	78,578 (3,389)	61,426 (2.7)	0.0	7.7	6.6	3.9	15.6	15.5	1.1	0.9	0.7	5.4	7.2	-4.7
	CTG	VIETNAM JS COMM	26,000	96,809 (4,175)	130,992 (5.7)	0.0	14.0	11.4	18.7	10.2	11.4	1.2	1.1	-1.0	2.8	6.6	24.4
	VPB	VIETNAM PROSPERI	23,450	57,165 (2,466)	103,032 (4.4)	0.0	7.0	6.1	5.4	17.7	16.6	1.1	1.0	-1.5	2.6	1.1	17.3
	MBB	MILITARY COMMERC	19,600	47,264 (2,038)	114,197 (4.9)	0.0	6.5	5.5	8.0	18.0	17.6	1.0	0.9	2.1	8.3	10.1	-5.8
	HDB	HDBANK	31,050	29,992 (1,294)	37,809 (1.6)	9.5	7.4	6.5	20.1	20.2	20.1	1.3	1.1	0.0	4.9	10.1	12.7
	STB	SACOMBANK	12,450	22,455 (968)	144,932 (6.3)	14.5	13.8	8.8	1.6	6.8	9.0	0.8	0.7	-1.6	8.7	10.2	23.9
	TPB	TIEN PHONG COMME	23,800	19,434 (838)	25,393 (1.1)	0.0	6.8	5.3	26.3	22.5	20.2	1.2	1.0	0.4	3.7	6.3	13.1
EIB	VIETNAM EXPORT-I	17,150	21,085 (909)	5,132 (0.2)	0.1	36.9	35.4	-6.9	3.6	3.6	1.3	1.3	0.3	0.9	1.2	-3.7	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	49,300	36,597 (1,578)	49,104 (2.1)	20.8	29.9	25.3	2.6	6.3	7.7	1.9	1.8	-1.1	1.9	5.1	-28.1
	BMI	BAOMINH INSURANC	26,350	2,407 (104)	11,806 (0.5)	14.4	-	-	-	8.2	9.1	1.0	1.0	3.3	3.9	16.3	6.3
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	16,550	9,945 (429)	95,300 (4.1)	50.8	11.4	9.2	-16.8	9.0	10.6	1.0	0.9	-0.9	3.4	10.3	6.4
	VCI	VIET CAPITAL SEC	28,300	4,683 (202)	27,212 (1.2)	71.3	10.1	7.9	-24.9	11.1	13.0	1.1	1.0	-3.4	-0.4	19.9	-4.1
	HCM	HO CHI MINH CITY	20,700	6,314 (272)	66,809 (2.9)	51.0	14.2	8.8	-22.5	11.0	17.1	1.4	1.3	0.0	2.0	12.5	-3.0
	VND	VNDIRECT SECURIT	13,450	2,805 (121)	12,659 (0.5)	14.4	12.1	7.6	-19.1	7.4	11.2	0.8	0.8	-0.4	6.3	13.5	-6.6
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	127,300	221,677 (9,561)	179,137 (7.7)	41.5	21.3	19.8	6.6	37.8	38.2	7.4	6.6	-1.5	2.2	9.3	9.3
	SAB	SAIGON BEER ALCO	187,000	119,920 (5,172)	19,684 (0.8)	36.8	28.9	24.7	0.6	21.6	23.8	5.9	5.2	-1.6	-0.6	2.2	-18.0
	MSN	MASAN GROUP CORP	55,000	64,608 (2,786)	69,780 (3.0)	10.9	73.4	28.7	-57.2	2.2	6.2	1.6	1.7	-0.7	1.9	2.6	-2.7
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,100	13,414 (579)	29,156 (1.3)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	-0.8	-0.4	-2.4	-12.9
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	105,800	55,422 (2,390)	50,740 (2.2)	12.3	-	16.1	-	8.9	21.4	3.4	3.2	-0.7	-0.1	5.8	-27.6
	GMD	GEMADEPT CORP	24,050	7,141 (308)	15,915 (0.7)	0.0	18.4	16.0	-54.5	6.7	7.4	1.2	1.2	1.5	2.3	4.6	3.2
	CII	HO CHI MINH CITY	18,150	4,335 (187)	26,931 (1.2)	34.6	9.1	8.5	142.2	9.6	9.4	0.8	0.8	-1.4	-2.7	-1.1	-19.3
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	2,120	1,203 (052)	11,158 (0.5)	46.9	-	-	-	-	-	-	-	-0.5	-2.3	-5.8	-87.7
	GEX	VIETNAM ELECTRIC	24,400	11,467 (495)	206,809 (8.9)	34.7	29.9	12.8	-20.9	10.5	13.6	-	-	-2.4	0.0	14.8	26.1
	CTD	COTECCONS CONSTR	72,900	5,562 (240)	44,550 (1.9)	2.2	9.6	9.6	-37.9	6.7	7.0	0.7	0.6	-0.3	-0.4	-8.8	42.1
	REE	REE	40,400	12,526 (540)	17,747 (0.8)	0.0	8.2	7.3	-9.9	13.4	14.0	1.1	1.0	0.9	1.3	12.4	11.3

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtriệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiền ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	73,500	140,675 (6,067)	50,014 (2.2)	45.8	18.8	14.7	-18.6	15.5	19.2	2.8	2.7	1.1	2.5	0.7	-21.6
	NT2	PETROVIETNAM NHO	23,550	6,779 (292)	6,139 (0.3)	30.0	9.7	9.5	-2.8	16.8	17.4	1.6	1.6	-0.6	-1.3	3.3	8.8
	PPC	PHA LAI THERMAL	23,600	7,566 (326)	5,511 (0.2)	32.9	8.1	8.6	-8.9	15.5	14.5	1.2	1.2	-1.3	-1.5	-1.9	-12.3
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	25,650	84,986 (3,665)	340,250 (14.7)	14.7	9.0	7.6	4.1	17.9	18.8	1.5	1.3	-0.6	1.0	3.4	31.0
	DPM	PETROVIETNAM FER	16,750	6,555 (283)	57,610 (2.5)	37.3	10.9	11.8	-0.7	8.9	7.9	0.8	0.8	0.6	-0.6	5.7	29.3
	DCM	PETRO CA MAU FER	10,150	5,373 (232)	23,908 (1.0)	47.2	-	-	-	-	-	-	-	-0.5	1.0	10.8	56.2
	HSG	HOA SEN GROUP	14,950	6,643 (287)	157,730 (6.8)	39.4	8.0	8.0	45.8	14.4	12.5	1.0	0.9	5.3	11.2	26.7	101.0
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,400	2,619 (113)	33,523 (1.4)	97.8	5.8	6.7	45.6	13.3	10.5	0.6	0.6	0.0	0.8	0.0	-2.4
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	51,700	63,013 (2,718)	79,472 (3.4)	4.0	50.2	18.5	-40.0	5.8	15.1	2.6	2.2	0.2	3.4	6.6	-7.7
	PVD	PETROVIETNAM DRI	11,400	4,801 (207)	69,423 (3.0)	37.1	44.7	22.9	-15.6	0.9	0.8	0.4	0.3	-0.9	1.8	6.0	-24.3
	PVT	PETROVIET TRANSP	13,150	3,701 (160)	27,028 (1.2)	28.9	8.6	7.5	-18.0	9.2	9.9	0.7	0.7	3.1	6.0	19.5	-21.7
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	101,200	45,811 (1,976)	102,212 (4.4)	0.0	12.6	9.7	9.5	27.0	28.0	3.0	2.4	-0.7	7.4	20.3	-11.2
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	62,300	14,025 (605)	41,087 (1.8)	0.0	15.9	13.4	-1.8	21.0	22.7	2.8	2.6	-1.7	4.2	6.3	-27.6
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	48,900	1,443 (062)	607 (0.0)	69.3	20.6	15.0	-28.1	6.7	8.5	1.3	1.2	-0.2	-1.0	0.4	32.2
	FRT	FPT DIGITAL RETA	24,650	1,947 (084)	18,729 (0.8)	13.2	16.5	11.2	-41.1	9.1	12.6	1.4	1.2	-2.6	-1.0	0.0	17.1
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	58,500	7,927 (342)	60,119 (2.6)	36.0	7.5	7.2	29.4	36.8	29.8	2.6	2.3	0.0	0.9	0.0	53.1
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	106,200	13,885 (599)	1,145 (0.0)	45.2	20.8	19.2	8.0	20.3	19.8	3.9	3.7	0.2	0.2	1.3	16.1
	PME	PYMEPHARCO JSC	69,800	5,236 (226)	1,911 (0.1)	37.9	14.9	-	7.3	16.4	-	2.4	-	-0.4	0.7	1.5	28.5
IT	FPT	FPT CORP	50,500	39,587 (1,707)	99,045 (4.3)	0.0	11.4	9.7	20.1	23.8	24.8	2.4	2.1	-1.2	1.0	4.2	-0.4

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHOẢNG PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOẢN KB VIỆT NAM

Giám đốc Khối Phân Tích – Nguyễn Xuân Bình

binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược Thị trường

Giám đốc Kinh tế Vĩ mô & Chiến lược thị trường – Trần Đức Anh

anhdt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Vĩ mô – Thái Thị Việt Trinh

trinhhtt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Chiến lược Thị trường – Lê Anh Tùng

tungla@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội) – Dương Đức Hiếu

hieudd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Công nghệ & Logistics – Nguyễn Anh Tùng

tungna@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Bất động sản – Phạm Hoàng Bảo Nga

ngaphb@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Năng lượng & Vật liệu xây dựng – Lê Thành Công

congt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Ngân hàng Tài chính – Nguyễn Thị Thu Huyền

huyenntt@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh) – Harrison Kim

harrison.kim@kbf.com

Chuyên viên Phân tích Hàng tiêu dùng & Bán lẻ – Đào Phúc Phương Dung

dungdpp@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Thủy sản & Dược phẩm – Nguyễn Thanh Danh

danhnt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Dầu Khí & Hóa chất – Nguyễn Vinh

vinhn@kbsec.com.vn

Bộ phận Marketing Research

Chuyên viên Marketing Hàn Quốc – Seon Yeong Shin

shin.sy@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên đọc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.